CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CỔ PHẦN TÍN VIỆT
Số: 2087/2026/VietCredit-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Tổng hợp cổ phần Tín Việt

- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 2085/2026/VietCredit-NQ ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt, cụ thể như sau:

I. Cơ sở trình ĐHĐCĐ

- Xuất phát từ nhu cầu quản trị, Công ty có nhu cầu thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Tổng Giám đốc sang Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Đảm bảo tuân thủ và thống nhất với các nội dung được trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty theo Tờ trình ĐHĐCĐ số 2086/2026/VietCredit-TT ngày 25/11/2026.

II. Nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua

Với các cơ sở nêu trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty với các nội dung như sau:

1) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo nội dung chi tiết tại Phụ lục và toàn văn dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty đính kèm Tờ trình này;

2) Giao HĐQT tổ chức thực hiện/chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Nguyễn Đức Phương

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu: Văn thư, Vp HĐQT.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN TÍN VIỆT
Ký ngày: 26/11/2026 09:15:35

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

Ghi chú:

- *Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.*
- *Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy chế quản trị nội bộ Công ty hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **bôi đậm, gạch chân.***
- *Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại mục "Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty mới" là phần **bôi đậm.***
- *Một số điều chỉnh về hình thức, bao gồm việc thay đổi số thứ tự các khoản, mục do bổ sung hoặc lược bỏ nội dung, không được liệt kê chi tiết trong Bảng phụ lục so sánh sửa đổi Điều lệ này.*

STT	Quy chế quản trị nội bộ Công ty hiện hành		Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty mới		Lý do sửa đổi
	Điều khoản	Nội dung	Điều khoản	Nội dung	
1	Khoản 1, Điều 2	**1. Công ty**: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.	Khoản 1, Điều 2	**1. Công ty**: Công ty Tài chính **Tổng hợp** Cổ phần Tín Việt.	Điều chỉnh tên Công ty.
2	Khoản 2, Điều 2	**2. Điều lệ**: Điều lệ Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt.	Khoản 2, Điều 2	**2. Điều lệ**: Điều lệ Công ty Tài chính **Tổng hợp** Cổ phần Tín Việt.	Điều chỉnh tên Công ty.
3	Điểm c, Khoản 1, Điều 32	c. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Công ty theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.	Điểm c, Khoản 1, Điều 32	c. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Công ty theo **ủy quyền,** quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. **Việc ký kết hợp đồng, giao dịch và văn bản nhân danh Công ty phải đồng thời phù hợp với thẩm quyền chức danh, quy định phân cấp thẩm quyền và phạm vi ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật. Việc ủy quyền/đại diện không chuyển giao thẩm quyền phê duyệt nội dung giao dịch nếu Điều**	Điều chỉnh làm rõ quyền hạn của Tổng Giám đốc tương ứng nội dung thay đổi về Người đại diện theo pháp luật.

STT	Quy chế quản trị nội bộ Công ty hiện hành		Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty mới		Lý do sửa đổi
	Điều khoản	Nội dung	Điều khoản	Nội dung	
				lệ hoặc quy định nội bộ giao thẩm quyền phê duyệt cho chủ thể khác;	
4	Khoản 1, Điều 32	Không có quy định	Khoản 1, Điều 32	Bổ sung Điểm q, Khoản 1, Điều 32: **q. Tổ chức cơ chế theo dõi và báo cáo việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho HĐQT/Chủ tịch HĐQT về tình hình kinh doanh, tài chính, rủi ro, tuân thủ, giao dịch trọng yếu và sự cố có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc uy tín Công ty;**	Bổ sung trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.
5	Điều 33	Không có quy định	Điều 33	Bổ sung Khoản 3, Điều 33: **3. HĐQT quyết định hoặc ban hành nguyên tắc, phương pháp xác định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Người điều hành trong phạm vi thẩm quyền, căn cứ tối thiểu vào chức danh và phạm vi trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ/chỉ tiêu; kết quả và hiệu quả kinh doanh, và thực hiện nghị quyết HĐQT; bảo đảm không khuyến khích chấp nhận rủi ro vượt mức và phù hợp chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.**	Bổ sung căn cứ xác định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người điều hành.

STT	Quy chế quản trị nội bộ Công ty hiện hành		Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty mới		Lý do sửa đổi
	Điều khoản	Nội dung	Điều khoản	Nội dung	
6	Khoản 2, Điều 34	Không có quy định	Khoản 2, Điều 34	Bổ sung Điểm f, Khoản 2, Điều 34: **f. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về việc tuân thủ thẩm quyền, trình tự phê duyệt, nghĩa vụ công bố/cung cấp thông tin và quản lý xung đột lợi ích theo pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ.**	Bổ sung quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.
7	Khoản 4, Điều 35	d. Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ **10%** đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Khoản 4, Điều 35	d. Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ **20%** đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ cổ phần tương ứng số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát được đề cử đảm bảo hợp lý.

STT	Quy chế quản trị nội bộ Công ty hiện hành		Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty mới		Lý do sửa đổi
	Điều khoản	Nội dung	Điều khoản	Nội dung	
8	Điều 36	Không có quy định	Điều 36	Bổ sung Khoản 4, Điều 36: **4. Việc phối hợp không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm và tính độc lập của từng cơ quan/chức danh theo pháp luật và Điều lệ. Chủ thể nhận thông tin có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, bảo mật và quản lý xung đột lợi ích theo quy định.**	Bổ sung nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
9	Điểm b, Khoản 3, Điều 42	Không có quy định	Điểm b, Khoản 3, Điều 42	Bổ sung thành tiết (iv), Điểm b, Khoản 3, Điều 42: **(iv) Về việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ, kết quả quản trị rủi ro, khắc phục vi phạm/sai sót và chất lượng, tính kịp thời của báo cáo, giải trình với HĐQT, BKS;**	Bổ sung căn cứ đánh giá hàng năm đối với hoạt động của Người điều hành.
10	Khoản 3, Điều 44	Không có quy định	Khoản 3, Điều 44	Bổ sung thành Điểm b, Khoản 3, Điều 44: **b. Các đơn vị, cá nhân khi phát hiện quy định của Quy chế không còn phù hợp với Điều lệ hoặc pháp luật có trách nhiệm báo cáo Người phụ trách quản trị/đơn vị đầu mối để tổng hợp, trình HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét sửa đổi. Trong thời gian chưa sửa đổi, không áp dụng nội dung của Quy chế trái với Điều lệ hoặc quy định pháp luật.**	Bổ sung quy định về việc áp dụng quy định tại Quy chế.

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN TÍN VIỆT
M.S.D.N: 0100746... C.T.C.P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ 4
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản 4
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 5
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 5
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo về việc chốt Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 9. Đăng ký và ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu 8
Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua 10
Điều 14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 12
Điều 16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 12
Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 13
Điều 17. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 13
Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 13
Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến; hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến 15
Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến; hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến 15
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 15
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 16

Điều 24. Giới thiệu, đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị 17
Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 19
Điều 26. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị 19
Mục 3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 19
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 19
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị 20
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 20
Mục 5. Các Ủy ban và tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 22
Điều 29. Thành lập các Ủy ban và tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 22
Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 22
Điều 30. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 22
CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 23
Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành 23
Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác 24
Điều 33. Bổ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác 25
CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT 26
Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát 26
Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 30
CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 33
Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác 33
Điều 36. Nguyên tắc phối hợp 33
Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 33
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa các thành viên Hội đồng quản trị 35
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành 35
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 36
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Người điều hành 37
Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành 37
Điều 42. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành 37
Điều 43. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành 39
Điều 44. Hiệu lực thi hành 40

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Quy chế này áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. **Công ty**: Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt.
2. **Điều lệ**: Điều lệ Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt.
3. **Đại hội đồng cổ đông**: Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
4. **Hội đồng quản trị**: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
5. **Đơn vị**: Là các Phòng, Trung tâm và Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp thuộc Công ty.
6. **Người phụ trách quản trị Công ty**: Là người do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Quy chế này.
7. Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Công ty công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.
3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty.
5. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông:
   Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Hàng năm, Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo về việc chốt Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Kể từ thời điểm công bố thông tin về ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu Công ty sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ), cụ thể như sau:

1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ liên lạc đối với cổ đông là cá nhân hoặc thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp (nếu có).
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp) thực hiện theo Điều lệ Công ty.
2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   c. Phiếu biểu quyết;
   d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Đăng ký và ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số các nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 9 Điều 21 Điều lệ Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và đầy đủ các nội dung sau:
   a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải ghi rõ: Họ tên người uỷ quyền, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý cá nhân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ liên lạc và số giấy tờ pháp lý cá nhân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông ủy quyền và người được ủy quyền dự họp.
   b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, số giấy tờ pháp lý của pháp nhân, thông tin Người đại diện theo pháp luật, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền; họ và tên người được ủy quyền, địa chỉ liên lạc và số giấy tờ pháp lý cá nhân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được

tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ động dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các quyết định về nội dung sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, bao gồm các vấn đề sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
   b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Công ty;
   c. Xem xét, xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty;
   d. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau,

cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
   d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với những vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên

và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý, hợp pháp khác;
   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp phải chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết

của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đối với quyết định về nội dung sau đây:

a. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

b. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Công ty mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

3. Đối với quyết định về nội dung liên quan đến quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Việc Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài nhưng khi có tranh chấp phải sử dụng bằng bản tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp;
   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua, trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 17. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau:

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.
2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không ý kiến;
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
   a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật

của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết cho cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến; hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến; hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông từng thời kỳ.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 02 thành viên là thành viên độc lập, 2/3 tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải Người điều hành Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên

Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu nêu tại Khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu trừ trường hợp Công ty là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt sẽ do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động được kiểm soát đặc biệt.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bị đình chỉ, tạm đình chỉ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật các TCTD
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
8. Trong trường hợp Hội đồng quản trị của Công ty bầu trước ngày Luật các TCTD có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024) mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.

Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bao gồm một (01) Chủ tịch và một số thành viên Hội đồng quản trị, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định có liên quan tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị
   a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
      (i) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty;
      (ii) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
      (iii) Có trình độ từ đại học trở lên;
      (iv) Có một trong các điều kiện sau đây: (i) có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; (ii) có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc

của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; (iii) có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iv) có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

b. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điểm a khoản 2 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

(i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, hoặc công ty con của Công ty hoặc đã làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó;

(ii) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên từ Công ty, ngoài các khoản thù lao mà thành viên HĐQT được hưởng;

(iii) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty, Người quản lý hoặc kiểm soát viên thành viên Ban kiểm soát của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

(iv) Không đại diện sở hữu cổ phần của Công ty; không cùng Người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;

(v) Không phải là Người quản lý, Ban kiểm soát của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong trong 05 năm liền kề trước đó.

(vi) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

c. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Mục b, Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 24. Giới thiệu, đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và

vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty và của pháp luật có liên quan;
g. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
i. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
3. Công ty phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ động đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng viên còn lại không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số lượng ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 26. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty.
2. Việc thông báo về bầu, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin.

Mục 3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tổng mức thù lao, thưởng, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí..

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.
8. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách hoạt động; thù lao, thưởng và các lợi ích của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp có đề nghị sau đây:
   a. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý khác;
   c. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
   d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.
7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp phải kèm tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần hai trong thời hạn 07 ngày, từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
    a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
    b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12, 13 Điều này;
    c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
    d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
    e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận phù hợp với Điều 72 Luật các TCTD.
14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
15. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự cuộc họp của HĐQT để xem xét giải quyết các công việc chuyên môn.
16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc phương thức điện tử khác hoặc các hình thức hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Mục 5. Các Ủy ban và tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 29. Thành lập các Ủy ban và tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.
2. Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, Công ty gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước (cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng).
3. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.

Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 30. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty:
   Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
   a. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

b. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
   g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành

1. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
   a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty;
   b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
   c. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
   d. Có một trong các điều kiện sau đây;
      (i) Có ít nhất 05 năm là Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc;
      (ii) Có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định

đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc;

(iii) Có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

e. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
   a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty;
   b. Có một trong các điều kiện sau đây: (i) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc; (ii) Có trình độ từ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
   c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
   d. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:
   a. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
   c. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Công ty theo ủy quyền, quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch và văn bản nhân danh Công ty phải đồng thời phù hợp với thẩm quyền chức danh, quy định phân cấp thẩm quyền và phạm vi ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật. Việc ủy quyền/đại diện không chuyển giao thẩm quyền phê duyệt nội dung giao dịch nếu Điều lệ hoặc quy định nội bộ giao thẩm quyền phê duyệt cho chủ thể khác;
   d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
   e. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;
   f. Kiến nghị quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

h. Quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

i. Tuyển dụng lao động;

j. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;

l. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

m. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;

n. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty;

o. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị;

p. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;

q. Tổ chức cơ chế theo dõi và báo cáo việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho HĐQT/Chủ tịch HĐQT về tình hình kinh doanh, tài chính, rủi ro, tuân thủ, giao dịch trọng yếu và sự cố có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc uy tín Công ty;

r. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.

2. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người điều hành khác:

a. Người điều hành khác của Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức Công ty.

b. Các nhiệm vụ và quyền hạn của Người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.

Điều 33. Bổ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Bổ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

b. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

c. Tổng Giám đốc là Người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

d. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Các trường hợp theo đó Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm được quy định theo pháp luật, Điều lệ Công ty.

f. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

g. Việc ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của Công ty trong từng thời kỳ.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành khác
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ, và quy định nội bộ của Công ty.

3. HĐQT quyết định hoặc ban hành nguyên tắc, phương pháp xác định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Người điều hành trong phạm vi thẩm quyền, căn cứ tối thiểu vào chức danh và phạm vi trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ/chỉ tiêu; kết quả và hiệu quả kinh doanh, và thực hiện nghị quyết HĐQT; bảo đảm không khuyến khích chấp nhận rủi ro vượt mức và phù hợp chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát:
Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Điều lệ Công ty và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

a. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Công ty về kế toán, báo cáo.

b. Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động quản trị, điều hành Công ty trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Công ty, có quyền sử dụng các nguồn lực của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát

d. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

e. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông.

f. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về việc tuân thủ thẩm quyền, trình tự phê duyệt, nghĩa vụ công bố/cung cấp thông tin và quản lý xung đột lợi ích theo pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ.

g. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Công ty.

h. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

   (i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

   (ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản

này không được cản trở hoạt động bình thường của Công ty, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

i. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

j. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành Công ty có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

k. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.

m. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2.f, 2.i và 2.t Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.

n. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

o. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

p. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

q. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

r. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

s. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

t. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Các TCTD và Điều

lệ Công ty. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

u. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

v. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

w. Trưởng ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

x. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật có liên quan.

4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;

e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát;

h. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;

j. Chỉ được Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

5. Thành viên Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát;

b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục;

c. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty;

d. Yêu cầu Người quản lý, Người điều hành, cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

e. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về những hoạt động tài chính bất thường của Công ty vàchịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá, kết luận của mình;

f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và báo cáo Trưởng ban kiểm soát;

g. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

h. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường;

i. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

j. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a. Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết,.

b. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ thành viên của Ban Kiểm soát là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

c. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

d. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản 1a Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Công ty phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Công ty được kiểm soát đặc biệt thì sẽ do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

e. Trong trường hợp Ban Kiểm soát của Công ty được bầu trước ngày Luật các TCTD có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024) mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ công ty

b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

d. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Công ty;

e. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

f. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát.

a. Cách thức đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 24 Quy chế này.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại

hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát

a. Thành viên Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty;

(ii) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

(iii) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

(iv) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

(v) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

(vi) Chết.

b. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Có đơn từ chức với lý do hợp lý;

(ii) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

c. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

(ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(iii) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

(iv) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

(v) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

5. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát và mức thù lao mỗi ngày.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

Điều 36. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan và của Công ty.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).
4. Việc phối hợp không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm và tính độc lập của từng cơ quan/chức danh theo pháp luật và Điều lệ. Chủ thể nhận thông tin có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, bảo mật và quản lý xung đột lợi ích theo quy định.

Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
   (i) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết;
   (ii) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
b. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Thông báo mời họp và tại liệu liên quan đến các thành viên dự họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến;
c. Thư ký Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm ghi Biên bản cuộc họp;
d. Biên bản họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ được gửi cho các thành viên dự họp và các bên liên quan khi hoàn tất ký Biên bản;
e. Thủ tục, trình tự họp và các nội dung khác theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Điều lệ Công ty.

2. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:
   a. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban kiểm soát đồng thời với việc gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị;
   b. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng Giám đốc để triển khai thực hiện các vấn đề kể từ ngày ban hành và có hiệu lực thi hành.
3. Các trường hợp Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
   a. Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
   b. Ban kiểm soát xin ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:
      (i) Các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (nếu cần thiết);
      (ii) Các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty của Hội đồng quản trị.
   c. Tổng Giám đốc xin ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan hoạt động Công ty vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng/quý hoặc đột xuất về kết quả kinh doanh; báo cáo hàng năm đối với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
5. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo, cung cấp

thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan và khi có yêu cầu.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết.
2. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Công ty. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đều nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
3. Hội đồng quản trị bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Người điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu Người điều hành, phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh Người điều hành để Tổng Giám đốc ký văn bản phân công trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

5. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì.
7. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời Người điều hành, Trưởng Đơn vị có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).
8. Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm cụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
9. Hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức họp với Người điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý; trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.
10. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác đươc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cung với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Người điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Người điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Người điều hành.
2. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng Giám đốc phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Tổng Giám đốc phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
3. Tổng Giám đốc báo cáo Ban kiểm soát về thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc tiếp nhận báo cáo về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo Ban kiểm soát và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị.
5. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc.
6. Các hoạt động phối hợp khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành

Điều 42. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành

1. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị:
   a. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
   b. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty phải đảm bảo các nội dung sau:
      (i) Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
      (ii) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
      (iii) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

(iv) Hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị;

(v) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác;

(vi) Các kế hoạch trong tương lai.

2. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Ban kiểm soát:

a. Hằng năm, Trưởng Ban kiểm soát theo thẩm quyền thực hiện đánh giá hàng năm đối với các hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát;

b. Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

(ii) Báo cáo kết quả giám sát tính tuân thủ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

(iii) Báo cáo kết quả đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ;

(iv) Báo cáo kết quả đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Người điều hành và sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;

(v) Báo cáo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính;

(vi) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;

(vii) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

(viii) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

(ix) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác;

(x) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

(xi) Các báo cáo khác phải thực hiện theo quy định pháp luật từng thời kỳ.

3. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của Người điều hành:
   a. Hằng năm, Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc đối với hoạt động của Người điều hành;
   b. Nội dung đánh giá:
      (i) Kết quả thực hiện nhiệm vụ điều hành của Người điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty do Đại hội đồng cổ đông giao;
      (ii) Kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
      (iii) Kết quả thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát;
      (iv) Về việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ, kết quả quản trị rủi ro, khắc phục vi phạm/sai sót và chất lượng, tính kịp thời của báo cáo, giải trình với HĐQT, BKS;
      (v) Các nội dung khác (nếu có);
   c. Kết quả đánh giá hàng năm sẽ được đưa vào Báo cáo của Hội đồng quản trị để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Điều 43. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành

1. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát
   a. Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:
      (i) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị, đảm bảo Công ty phát triển ổn định, an toàn, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát;
      (ii) Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị, tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
   b. Kỷ luật và bồi thường thiệt hại:
      Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác
   a. Tổng Giám đốc, Người điều hành khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ của mình, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Công ty hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng. Hình thức và mức khen thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.
   b. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Người điều hành đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.
   c. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:
      Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Người điều hành có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
3. Điều khoản ưu tiên áp dụng:
   a. Trong trường hợp có những nội dung được quy định khác nhau giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty thì ưu tiên áp dụng theo Điều lệ Công ty.
   b. Các đơn vị, cá nhân khi phát hiện quy định của Quy chế không còn phù hợp với Điều lệ hoặc pháp luật có trách nhiệm báo cáo Người phụ trách quản trị/đơn vị đầu mối để tổng hợp, trình HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét sửa đổi. Trong thời gian chưa sửa đổi, không áp dụng nội dung của Quy chế trái với Điều lệ hoặc quy định pháp luật.
   c. Trường hợp có những nội dung có liên quan đến quản trị chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty.
   d. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế

này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH